TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 02-12-2019
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quang Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Khương;

Ông Trần Ngọc Hải.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Long Bảo - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2019/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2019, về tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị DTHH, sinh năm 1981; ĐKNKTT: Số nhà 28 C21, khu tập thể A, phường B, quận C, Hải Phòng; hiện trú tại: Số nhà 642, đường D, phường E, quận F, Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh PMH, sinh năm 1979; ĐKNKTT: Xã G, huyện H, tỉnh Hải Dương; hiện tạm trú tại: Số nhà 7, khu I, phường J, quận K, Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn (chị DTHH) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (DTHH) và anh PMH xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện H, tỉnh Hải Dương (Giấy chứng nhận kết hôn số: 104, Quyển số: 01, ngày 08-12-2009). Quá trình vợ chồng chung phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do những va chạm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng không hợp nhau về tính cách và bất đồng trong quan điểm sống. Những mâu thuẫn này không được hai bên giải quyết triệt để nên lâu ngày càng trầm trọng thêm, đỉnh điểm là đến tháng 8-2018 mâu

thuẫn giữa tôi và anh PMH đã đến mức trầm trọng, tôi đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và hai bên sống ly thân mỗi người một nơi từ đó cho đến nay, không còn quan hệ tình cảm gì với nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn và không thể chung sống đoàn tụ được nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh PMH.

Về con chung: Tôi và anh PMH có hai con chung tên là L, sinh ngày 18-6-2011 và M, sinh ngày 14-10-2014. Cả hai cháu đều đang sinh sống cùng với tôi từ khi tôi và anh PMH sống ly thân nhau cho đến nay. Ly hôn, tôi đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con và tôi không yêu cầu anh PMH phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Tôi và anh PMH không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án phải giải quyết. Ngoài ra tôi không còn yêu cầu và ý kiến gì khác.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải, bị đơn (anh PMH) trình bày: Tôi (PMH) xây dựng gia đình với cô DTHH trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện H, tỉnh Hải Dương (Giấy chứng nhận kết hôn số: 104, Quyển số: 01, ngày 08-12-2009). Quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do những va chạm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng không hợp nhau về tính cách và bất đồng trong quan điểm sống.

Tháng 8-2018 cô DTHH đi học tập trung tại Hà Nội nên đã mang hai con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và nhờ chăm sóc các con. Đến tháng 11-2018 tôi đã ra thuê nhà ở riêng tại địa chỉ: Số nhà 7, khu I, phường J, quận K, Hải Phòng từ đó cho đến nay.

Nay cô DTHH có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi cũng đồng ý ly hôn với cô DTHH để hai bên tự ổn định cuộc sống của mình.

Về con chung: Tôi và cô DTHH có hai con chung tên là L, sinh ngày 18-6-2011 và M, sinh ngày 14-10-2014. Hiện nay cả hai cháu đều đang sinh sống cùng với cô DTHH. Ly hôn, tôi đề nghị được trực tiếp nuôi một con và để cô DTHH nuôi một con. Cụ thể tôi yêu cầu được nuôi cháu L và cô DTHH nuôi cháu M. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng sau khi ly hôn thì tôi và cô DTHH sẽ tự thỏa thuận và tự giao cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi và cô DTHH không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án phải giải quyết. Ngoài ra tôi không còn yêu cầu và ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, anh PMH thay đổi ý kiến và không đồng ý ly hôn với chị DTHH

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Sự tuân thủ chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ

liên quan có yêu cầu độc lập đảm bảo đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về quan hệ vợ chồng: Công nhận thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa Chị DTHH và anh PMH.

- Về con chung: Giao hai con là L, sinh ngày 18-6-2011 và M, sinh ngày 14-10-2014, cho chị DTHH nuôi dưỡng và chăm sóc.

- Về tài sản: Các bên đương sự đều xác nhận không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị DTHH phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị DTHH và anh PMH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh Hải Dương (Giấy chứng nhận kết hôn số: 104, Quyển số: 01, ngày 08-12-2009).

[2] Quá trình chị DTHH và anh PMH chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hợp nhau về tính cách và bất đồng trong quan điểm sống nên hai bên đã tự sống ly thân mỗi người một nơi từ cuối năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau và không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên đương sự đều có yêu cầu Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn.

[3] Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để công nhận chị DTHH và anh PMH thuận tình ly hôn.

[4] Về con chung: Có hai con chung là L, sinh ngày 18-6-2011 và M, sinh ngày 14-10-2014. Nguyên đơn (chị DTHH) đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng sau khi ly hôn. Bị đơn có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết để bị đơn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là L và để nguyên đơn được nuôi con là M. Không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn và bị đơn đều là người có thu nhập có công việc và thu nhập ổn định. Tuy nhiên xem xét về điều kiện ăn ở sinh hoạt của bị đơn (anh PMH) có phần bị hạn chế, khó khăn do việc phải đi ở trọ nhà thuê từ tháng 11-2018 cho đến nay. Những

người thân trong gia đình của bị đơn đều sinh sống và làm việc tại địa bàn huyện H, tỉnh Hải Dương nên ít có điều kiện hỗ trợ, giúp đỡ được. Tại biên bản ghi lời khai của ông Phạm Đức Nghiêm (là bố đẻ của anh PMH) có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét giao cả hai cháu L và M cho chị DTHH trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc để đảm bảo cho các cháu được phát triển đầy đủ.

[6] Đối với nguyên đơn (chị DTHH) hiện đang sinh sống ổn định cùng bố mẹ, nên đầy đủ điều kiện về kinh tế, điều kiện về tình cảm để nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung, đảm bảo cho các cháu phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần.

[7] Bản thân cháu L nêu ý kiến trong đơn trình bày nguyện vọng đề nghị được ở với mẹ. Do vậy, để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung được phát triển lành mạnh, đầy đủ cả về thể chất và tinh thần cũng như xem xét đến điều kiện hoàn cảnh của cả người cha và người mẹ. Cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi con. Giao cho chị DTHH được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con là phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[8] Trường hợp sau khi ly hôn, điều kiện sống của anh PMH và chị DTHH có sự thay đổi và một trong các bên đương sự đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nếu các con chưa thành niên đã trên 7 tuổi thì có thể xem xét đến nguyện vọng của con chưa thành niên để giải quyết theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[9] Các đương sự tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án phải giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về tài sản chung: Các đương sự đều xác nhận không có tài sản chung và không đề nghị Tòa án phải giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị DTHH và anh PMH.

- Về con chung: Giao hai con chung là L, sinh ngày 18-6-2011 và M, sinh ngày 14-10-2014 cho chị DTHH trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn do các đương sự không có yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị DTHH phải chị 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp khi khởi kiện tại biên lai ký hiệu AA/2014, số 0008114, ngày 27-02-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; chị DTHH đã nộp đủ án phí đân sự sơ thẩm.

Các bên đương sự đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND xã G, huyện H, Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HS; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Kiên